

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TA NGỌC TẤN*

Ở đâu có quyền lực thì ở đó có yêu cầu kiểm soát quyền lực với vai trò như một công cụ điều tiết, bảo đảm cho quyền lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả; không bị lạm dụng, sử dụng sai mục đích, dẫn đến hậu quả tiêu cực. Trong lĩnh vực chính trị, vấn đề kiểm soát quyền lực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan đến lợi ích sống còn của một dân tộc, sự bền vững của một quốc gia, sự tồn vong của một chế độ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta hiện nay là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về kiểm soát quyền lực chính trị

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, trong đó có vấn đề kiểm soát quyền lực luôn luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng. Đặc biệt, từ sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, vấn đề kiểm soát quyền lực nhằm xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bảo đảm cho sự bền vững của chế độ và sự thắng lợi của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội càng được chú trọng hơn, bắt đầu từ nhận thức về sự cần thiết, ý nghĩa, yêu cầu và phương pháp, cách tiếp cận vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị.

Tháng 2-1947, chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ mới trải qua hơn một năm trong khi đất nước ngôn ngang những khó khăn, thiếu thốn, phức tạp. Ngay từ thời điểm đó,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo và phê bình nghiêm khắc tình trạng “quân phiệt quan liêu”, “óc địa vị”, “tính kiêu ngạo” trong hàng ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước ở một số địa phương. Trong hai bức thư gửi các đồng chí Bắc Bộ và gửi các đồng chí Trung Bộ, Người thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, những biểu hiện tiêu cực trong hàng ngũ cán bộ. Đó là tình trạng: “Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông vua con ở đây, tha hồ hách dịch, hoành hành. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới thì cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc “ông tướng, bà tướng” ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, đoàn thể xa nhân dân”⁽¹⁾. Hoặc, “có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh làm cho được ủy viên này, chủ tịch kia.

* GS, TS, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 88

Còn có những đồng chí chi lo ăn ngon, mặc đẹp, lo phát tài, lo chiếm của công làm của tư, đạo đức cách mệnh thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc”⁽²⁾. Đó là biểu hiện của thói quan liêu, đồng thời cũng phản ánh tình trạng buông lỏng, chưa có cơ chế, giải pháp kiểm soát quyền lực trong các cơ quan của chính quyền cách mạng lúc đó. Nhận thấy những biểu hiện tiêu cực ấy sẽ ảnh hưởng xấu đến sự đoàn kết nội bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, làm cho tổ chức đảng và chính quyền suy yếu, không đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng nặng nề và vẻ vang, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu các tổ chức đảng và chính quyền ở các địa phương trong cả nước phải “mang toàn bộ tinh thần cách mạng” mà sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế đó. Người chỉ rõ, một trong những nội dung phải thực hiện nhằm khắc phục những khuyết điểm, hạn chế đó là: “Trong các cơ quan chỉ huy, chọn người phải đích đáng, quyền hạn phải phân minh, liên lạc phải mật thiết, hợp tác phải chặt chẽ, phải tuyệt đối tránh cái lối lạm quyền, bao biện, xung đột, phù diện và suy ty, không phụ trách”⁽³⁾.

Đặc biệt, trong tác phẩm “*Sửa đổi lỗi làm việc*”, tháng 10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh một cách cụ thể yêu cầu về công tác kiểm tra đối với cán bộ và kiểm soát trong lãnh đạo. Theo Người, việc kiểm tra công tác đối với cán bộ là “một trong năm cách đối với cán bộ”, tức là 5 phương pháp bồi dưỡng, quản lý cán bộ của Đảng. Người viết: “Kiểm tra - Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm”⁽⁴⁾. Đó là công việc nội bộ trong tổ chức, hàng ngũ của Đảng. Song với trách nhiệm là người lãnh đạo xã hội, lãnh đạo nhân dân tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, thì phải dựa vào nhân dân để

làm tốt công việc kiểm soát hiệu quả lãnh đạo, đồng thời cũng là kiểm soát quyền lực của tổ chức đảng và các cán bộ, đảng viên. Vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, lãnh đạo đúng là cùng với việc “phải quyết định mọi vấn đề cho đúng”, “phải tổ chức sự thi hành cho đúng”, còn “phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”⁽⁵⁾. Có nghĩa là phải dựa vào dân, lấy dân làm lực lượng để thực hiện công việc kiểm soát mới có thể mang lại hiệu quả như mong muốn.

Nhất quán với nhận thức về những tác hại của chủ nghĩa cá nhân dẫn đến “phạm nhiều sai lầm”, trong đó có sai lầm, khuyết điểm về lạm dụng quyền lực, mưu lợi cá nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu, cùng với giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên: “Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ”⁽⁶⁾. Những yêu cầu trên đây thuộc trong số các giải pháp, nguyên tắc xây dựng Đảng, kiểm soát những biểu hiện lạm dụng quyền lực trong tổ chức đảng và đảng viên. Trong bản *Di chúc* để lại trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁽⁷⁾; “trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”⁽⁸⁾.

(2), (3), (4), (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 94, 95 - 96, 316, 325

(6), (7), (8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 547, 622

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực được thể hiện nhất quán trong nhận thức lý luận cũng như trong các chủ trương, đường lối của Đảng về lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị. Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986), nhấn mạnh: “Chúng ta đã xác định mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội”⁽⁹⁾. Báo cáo chính trị nhấn mạnh, yêu cầu mọi người bình đẳng trước pháp luật, phải tôn trọng và chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh: “Trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật, gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý. Bất cứ ai phạm pháp đều phải đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý “nội bộ”. Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình phạt, quan thì xử theo “lẽ”. Hiến pháp quy định: “Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”⁽¹⁰⁾. Có thể nói, yêu cầu trên đã làm rõ nhận thức của Đảng về vấn đề tôn trọng, thực thi pháp luật trong xã hội - nội dung cốt lõi của nhà nước pháp quyền, lấy pháp luật là cơ sở tối cao trong quản lý và điều chỉnh mọi hoạt động trong xã hội. Mặt khác, còn thể hiện thái độ không khoan nhượng đối với những hành vi vi phạm pháp luật nói chung và kiên quyết đấu tranh nhằm loại bỏ sự lạm dụng quyền lực trong bộ máy, tổ chức Đảng và Nhà nước nói riêng, vì mục đích cá nhân vụ lợi, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) xác định đường lối chung của Đảng về xây

dựng, phát triển đất nước, đồng thời cũng chỉ ra phương hướng, nguyên tắc chung về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Cương lĩnh năm 1991 chỉ rõ vai trò, tính chất của Đảng, đồng thời nhấn mạnh các nguyên tắc xây dựng Đảng: “lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”, “liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân”, “hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” và “tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái”. Đối với bộ máy nhà nước, Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương”. Đặc biệt, Cương lĩnh năm 1991 xác định cơ chế vận hành và kiểm soát quyền lực nhà nước, theo đó, “Nhà nước Việt Nam *thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch* ba quyền đó”.

Như vậy, đến Cương lĩnh năm 1991, trong nhận thức lý luận, Đảng ta đã đề cập trực tiếp nhiều vấn đề liên quan đến yêu cầu, nội dung, phương thức kiểm soát quyền lực trong Đảng, trong hệ thống tổ chức bộ máy của Nhà nước. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) xác định mối quan hệ giữa “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*” là một trong số những mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và giải quyết trong quá trình thực hiện phương hướng xây dựng, phát triển đất nước. Việc giải quyết mối quan hệ này, thực chất cũng là thực hiện cơ chế

(9), (10) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 47, tr. 443, 455 - 456

tổng thể về quản lý xã hội, giám sát quyền lực chính trị, nhằm mục đích bảo đảm sự phát triển bền vững của chế độ xã hội. Đặc biệt, khái niệm *kiểm soát lẫn nhau* đầu tiên được đưa vào Cương lĩnh năm 2011 với ý nghĩa là *kiểm soát lẫn nhau giữa các quyền lực* trong cơ chế vận hành của bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”. Như vậy, mối quan hệ giữa các cơ quan thực hiện ba quyền *lập pháp, hành pháp, tư pháp* trong bộ máy tổ chức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ là thống nhất, phân công và phối hợp thực hiện, mà còn phải kiểm soát lẫn nhau. Việc chính thức hóa yêu cầu *kiểm soát lẫn nhau* giữa các cơ quan thực thi các quyền lực cơ bản của Nhà nước không chỉ nhận thức rõ hơn đặc trưng của mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà còn mở đường cho việc tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước, thể hiện rõ hơn tính chất Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Cơ chế, thể chế về thực hiện giám sát quyền lực chính trị ở nước ta hiện nay

Trên cơ sở nhận thức về sự cần thiết, nội dung, vai trò, ý nghĩa của vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị trong quá trình lãnh đạo cách mạng, xây dựng, phát triển đất nước,

Đảng, Nhà nước ta đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm kiểm soát quyền lực chính trị dưới các cấp độ, hình thức khác nhau.

Trong điều kiện cụ thể của nước ta, Đảng xác định cơ chế tổng thể quản lý đất nước, quản lý xã hội là “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”. Đây cũng đồng thời là sự xác định vị trí, vai trò các yếu tố trong hệ thống quyền lực chính trị của đất nước, của chế độ. Trong hệ thống đó, Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò là đảng chính trị duy nhất cầm quyền, đồng thời cũng là “*lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội*”⁽¹¹⁾, là yếu tố quyền lực chính trị quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định. Vì thế, việc kiểm soát quyền lực chính trị của Đảng không chỉ là một nội dung, giải pháp quan trọng, góp phần bảo đảm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo Nhà nước và xã hội, mà còn là điều kiện hàng đầu bảo đảm cho sự kiểm soát một cách hiệu quả quyền lực Nhà nước, bảo đảm cho sự bền vững của chế độ.

Trên thực tế, cơ chế, thể chế kiểm soát quyền lực của Đảng đã được bao hàm trong các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, được bổ sung, hoàn thiện trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng và từ những bài học cụ thể rút ra từ thực tế công tác xây dựng Đảng. Do vai trò đặc biệt của Đảng Cộng sản Việt Nam là lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nên hầu như mọi cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng cũng đồng thời liên quan đến sự kiểm soát quyền lực chính trị trên phạm vi toàn xã hội. Về cơ bản, việc kiểm soát quyền lực của Đảng hiện nay được thực hiện theo các cơ chế, thể chế sau:

(11) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014, Điều 4

Thứ nhất, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, như tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách; kỷ luật nghiêm minh; nêu cao tính tiên phong gương mẫu của đảng viên; tự phê bình và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và được nhân dân giám sát; hoạt động trong khuôn khổ thể chế, pháp luật được thực hiện nghiêm túc. Tùy theo tình hình thực tiễn và yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong mỗi giai đoạn, một số nguyên tắc về tổ chức, hoạt động của Đảng được triển khai thành những quy định cụ thể, như Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19-12-2016, của Bộ Chính trị, “Về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25-10-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”,...

Thứ hai, đại hội đảng, chế độ bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra và chế độ sinh hoạt đảng theo định kỳ là những cơ chế, chế độ tổ chức, hoạt động của Đảng, đồng thời cũng là cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng. Mỗi kỳ đại hội các tổ chức đảng và đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng là một lần sàng lọc, đánh giá lại vai trò, trách nhiệm, tiêu chuẩn cán bộ tham gia cấp ủy. Điều này có ý nghĩa như sự giám sát quyền lực của cấp ủy và các đảng viên tham gia cấp ủy, bảo đảm những tiêu chuẩn, yêu cầu cần và đủ để tiếp tục chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, gánh vác những nhiệm vụ công tác - thực thi quyền lực chính trị được giao. Đặc biệt, trong những năm qua, các tiêu chuẩn, quy định về bầu cử trong Đảng được bổ sung, hoàn thiện không ngừng theo hướng ngày càng phát huy dân chủ, dựa vào nhân dân, mở rộng quyền lựa chọn trực tiếp của đại hội và của tập thể các tổ chức đảng.

Thứ ba, công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy và ủy ban kiểm tra đảng đối với đảng viên và các tổ chức đảng được thực hiện theo những quy định, quy trình chặt chẽ trong Điều lệ Đảng, những quy định thống nhất của các tổ chức đảng. Công việc này là yếu tố cơ bản bảo đảm tính kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh trong Đảng, cũng là một cơ chế góp phần quan trọng trong việc giám sát quyền lực, bảo đảm sự dân chủ, trong sạch, vững mạnh và năng lực lãnh đạo trong nội bộ Đảng. Đặc biệt, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23-9-2019, “Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”, trong đó xác định yêu cầu: “Sử dụng cơ chế, biện pháp nhằm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác cán bộ; phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước, nhất là các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lạm quyền, lộng quyền hoặc không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và những việc phải làm trên cương vị được giao trong công tác cán bộ”.

Thứ tư, tổ chức đảng và đảng viên của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước pháp luật như mọi công dân trong xã hội. Cùng với những quy định của pháp luật, trong Đảng còn có những quy định chặt chẽ, nghiêm khắc hơn để kiểm soát hành vi của đảng viên, bảo đảm sự trong sáng và uy tín của Đảng, như Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 1-11-2011, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về những điều đảng viên không được làm”.

Thứ năm, vai trò của nhân dân với tính chất là lực lượng giám sát và tham gia trực tiếp vào công tác xây dựng Đảng. Cương lĩnh năm 2011 (Bổ sung, phát triển) khẳng định: “Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn

trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân”. Quan điểm ấy của Đảng được hiến định trong Điều 4, Hiến pháp năm 2013: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”. Sự giám sát và tham gia của nhân dân góp phần xây dựng Đảng đó thể hiện tính chất của Đảng là “đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của toàn dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc”. Đồng thời, đó cũng là cơ chế giám sát quyền lực thiết thực, cụ thể và có hiệu quả. Cơ chế giám sát, phản biện của nhân dân đã được cụ thể hóa trong những quy định của Đảng, như: “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*” ban hành theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013, của Bộ Chính trị.

Đối với Nhà nước Việt Nam, *kiểm soát quyền lực chính trị* được thực hiện thông qua các cơ chế, thể chế sau đây:

Một là, sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được chế định trong Hiến pháp và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Tại Điều 70, Hiến pháp năm 2013 quy định, Quốc hội “Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập”.

Hai là, kiểm soát quyền lực bằng các chế định về bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo nhiệm kỳ hoặc không theo nhiệm kỳ theo quy định của pháp luật. Bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm vừa là phương thức tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm việc lựa chọn đúng người, đúng việc, vừa là uy tín của cán bộ, tổ chức và ý chí, nguyện vọng của nhân dân và tập thể tổ chức. Đồng thời, đó cũng là phương thức để kiểm soát quyền lực chính trị, bảo đảm quyền lực được thực thi đúng đắn, hiệu quả, ngăn chặn, đề phòng sự lạm dụng quyền lực vì mục đích cá nhân hoặc hạn chế hiệu quả sử dụng quyền lực vì hạn chế về năng lực.

Ba là, kiểm soát quyền lực bằng Hiến pháp, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chế độ tư pháp, bảo đảm cho các tổ chức, cá nhân hoạt động theo đúng các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Một khi các chế định trong Hiến pháp, pháp luật và pháp chế nói chung đúng đắn, công bằng, thì việc thực thi nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật và các chế độ tư pháp cũng chính là điều kiện để bảo đảm quyền lực chính trị được sử dụng đúng đắn, không bị lạm dụng hoặc sử dụng sai mục đích.

Bốn là, kiểm soát quyền lực chính trị bằng việc thực hiện vai trò làm chủ, sự giám sát, phản biện của nhân dân một cách trực tiếp hoặc thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Cũng như đối với tổ chức đảng và đảng viên, các cơ quan, tổ chức nhà nước và các cá nhân nắm giữ các trọng trách trong bộ máy nhà nước phải chịu sự giám sát, kiểm soát của nhân dân. Theo các quy định của pháp luật, người dân có quyền kiểm soát, giám sát, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của mình đối với các cơ quan, tổ chức và các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong việc thi hành công vụ.

Như vậy, các cơ chế, thể chế kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng, Nhà nước hay trong toàn xã hội đều gắn liền, đan xen hoặc bao hàm trong các nguyên tắc, chế độ tổ chức hoạt động của các thành tố tạo thành hệ thống chính trị ở nước ta. Trong mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*, các cơ chế, thể chế kiểm soát quyền lực của mỗi thành tố trong hệ thống chính trị của nước ta phần lớn đều liên quan hoặc đồng thời tác động đến các thành tố khác. Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, nhất là trong thời kỳ đổi mới, các cơ chế, thể chế về kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta không ngừng được hoàn thiện, được chế định ngày càng đầy đủ trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và có tác động tích cực đến quá trình xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Hiệu lực, hiệu quả kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta và một số vấn đề đặt ra hiện nay

Trên cơ sở nhận thức ngày càng rõ về vai trò, vị trí, ý nghĩa và phương pháp kiểm soát quyền lực chính trị, sự hoàn thiện ngày một đầy đủ, toàn diện các cơ chế, thể chế nhằm kiểm soát quyền lực chính trị, trong thời gian vừa qua, việc kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị đã có nhiều biến chuyển, thu được *nhiều kết quả quan trọng* trên thực tế. Những kết quả đó là một bộ phận gắn bó hữu cơ không thể chia tách với những kết quả chung của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Thứ nhất, “*Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt*”⁽¹²⁾ đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong kiểm soát quyền lực của Đảng và hệ thống chính trị nói chung. Công tác xây dựng Đảng về *chính trị, tư tưởng, đạo đức* đã

nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về ý thức, trách nhiệm chính trị trong việc thực thi các nhiệm vụ công tác của Đảng. Công tác xây dựng Đảng về *tổ chức* đã tập trung kiện toàn, “*đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; năng lực, chất lượng lãnh đạo, hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên được nâng cao*”. Công tác *cán bộ* được đổi mới mạnh mẽ theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, “*Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”, đã tạo được những chuyển biến tích cực. Công tác *kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng* được tăng cường, có nhiều đổi mới, thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả, nhất là ở cấp Trung ương. Công tác *phòng, chống tham nhũng* “*được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt,...* với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm”, được “*nhân dân đồng tình, ủng hộ*”, đã từng bước “*kiềm chế, ngăn chặn*” tham nhũng⁽¹³⁾.

Thứ hai, phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới theo hướng giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nguyên tắc pháp quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng được đổi mới; vai trò trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng được chú trọng.

Thứ ba, “*Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, hoạt động*

(12) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, t. I, tr. 73

(13) Xem: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 75 - 76

hiệu lực và hiệu quả hơn; tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp⁽¹⁴⁾. Vai trò của pháp luật được đề cao; cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rành mạch. Hoạt động của Quốc hội được đổi mới, có hiệu quả hơn trong xây dựng pháp luật, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Hoạt động của Chính phủ và các bộ, ngành đổi mới theo hướng kiến tạo, tập trung vào điều hành vĩ mô, tháo gỡ rào cản, hỗ trợ phát triển. Tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp tiếp tục được kiện toàn, có tiến bộ về chất lượng hoạt động, về bảo vệ lợi ích hợp pháp và quyền con người của công dân. Tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương được sắp xếp lại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Hiệu quả tổng hợp của những kết quả trên là những thành tựu quan trọng, nhiều dấu ấn nổi bật của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời gian qua, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng. Trong bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, tác động tiêu cực của dịch bệnh và thiên tai, song nền kinh tế nước ta vẫn phát triển, xã hội ổn định, đời sống của nhân dân được bảo đảm cơ bản, uy tín của đất nước trên trường quốc tế được nâng lên, tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường. Để đạt được những thành tựu quan trọng đó là sự tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó có những đổi mới tích cực trong kiểm soát quyền lực chính trị góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, kết quả đạt được, trong kiểm soát quyền lực chính trị vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm. Nghị

quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” chỉ rõ: “Cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả chưa cao; việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế”. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng cũng đánh giá: “Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao⁽¹⁵⁾”.

Nhìn một cách tổng thể, những hạn chế, khuyết điểm trên là một trong những nguyên nhân làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; dẫn đến tình trạng “tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Tham nhũng vẫn còn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta⁽¹⁶⁾”; “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”, bệnh lãng phí, vô cảm, bệnh thành tích ở một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi⁽¹⁷⁾”. Hệ quả của tất cả những hạn chế, tiêu cực đó là niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút; trở thành nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta. Với ý nghĩa ấy, việc tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, làm rõ thực trạng, nguyên nhân, các yếu tố tác động, từ đó tìm ra những giải pháp đúng đắn, hợp lý nhằm *kiểm soát chặt chẽ quyền lực chính trị* là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng ta trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn mới. □

(14), (15), (16), (17) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 71, 93, 95